



anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
www.anvietcpa.com

CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần)
đến ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần)
đến ngày 31/12/2021

Hà Nội, tháng 5 năm 2022

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO | 02 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 03 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 04 - 05 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 06 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 07 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 08 - 23 |



BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Heaven Power (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2021.

BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên của Ban Lãnh đạo (được bổ nhiệm ngày 21/10/2021) đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

| | |
|--------------------------|------------------------------------|
| Ông Hoàng Thế Anh | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Phan Thành Đạt | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh | Thành viên HĐQT |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



CÔNG TY
CỔ PHẦN
HEAVEN
POWER
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2022

Số: 156/2022/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Lãnh đạo
Công ty Cổ phần Heaven Power**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Heaven Power (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 04/05/2022, từ trang số 04 đến trang số 23 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Heaven Power tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ngô Việt Thanh
Phó Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2018-055-1

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1396-2018-055-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 | 21/10/2021 |
|---------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 15.684.984.367 | 201.888.992.163 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 209.559.187 | 1.374.153.273 |
| 1. Tiền | 111 | 5 | 209.559.187 | 1.374.153.273 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 10.445.824.809 | 195.556.047.082 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 2.363.022.780 | 789.681.986 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | - | 99.500.000 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 7 | 7.519.500.000 | 194.240.000.000 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 563.302.029 | 426.865.096 |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 260.054.315 | 224.717.523 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 260.054.315 | 224.717.523 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 4.769.546.056 | 4.734.074.285 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 10 | 78.177.823 | 76.278.262 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 4.691.368.233 | 4.657.796.023 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 235.870.555.214 | 52.547.230.452 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 400.000.000 | 400.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 8 | 400.000.000 | 400.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 50.599.090.458 | 51.430.290.970 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 50.599.090.458 | 51.430.290.970 |
| - Nguyên giá | 222 | | 54.862.628.837 | 54.862.628.837 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (4.263.538.379) | (3.432.337.867) |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 184.218.561.220 | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | 11 | 184.805.500.000 | - |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | 11 | (586.938.780) | - |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 652.903.536 | 716.939.482 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 10 | 652.903.536 | 716.939.482 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 251.555.539.581 | 254.436.222.615 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 | 21/10/2021 |
|------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 42.894.957.250 | 44.942.579.080 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 7.614.957.250 | 8.192.579.080 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 13 | 1.676.046.515 | 2.492.247.681 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 15 | 64.971.345 | 139.032.002 |
| 3. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 16 | 403.939.390 | 511.299.397 |
| 4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 14 | 5.470.000.000 | 5.050.000.000 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 35.280.000.000 | 36.750.000.000 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 14 | 35.280.000.000 | 36.750.000.000 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 208.660.582.331 | 209.493.643.535 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 17 | 208.660.582.331 | 209.493.643.535 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 210.000.000.000 | 210.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 210.000.000.000 | 210.000.000.000 |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (1.339.417.669) | (506.356.465) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (506.356.465) | (127.945.054) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (833.061.204) | (378.411.411) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 251.555.539.581 | 254.436.222.615 |

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2022

Người lập



Nguyễn Lê Nam Hải

Kế toán trưởng



Lê Thị Trang

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đạt

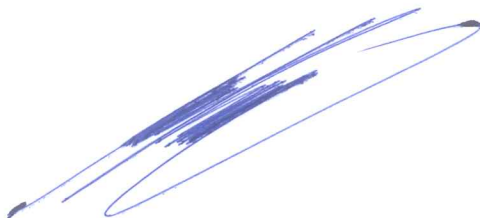
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021 | Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021 |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|---------------------------------|---------------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 18 | 1.573.340.794 | 7.901.688.494 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.573.340.794 | 7.901.688.494 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 19 | 1.112.032.498 | 4.444.167.811 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 461.308.296 | 3.457.520.683 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 20 | 268.576.155 | 231.659.809 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 21 | 1.369.497.356 | 3.456.017.746 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 782.558.576 | 3.456.017.746 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 22 | 266.817.185 | 428.212.467 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (906.430.090) | (195.049.721) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | - | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 1.407 | 45.020.052 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (1.407) | (45.020.052) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (906.431.497) | (240.069.773) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 23 | (73.370.293) | 138.341.638 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (833.061.204) | (378.411.411) |

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2022

Người lập



Nguyễn Lê Nam Hải

Kế toán trưởng



Lê Thị Trang

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021 | Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021 |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------|------------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | (906.431.497) | (240.069.773) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 831.200.512 | 3.387.767.676 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 586.938.780 | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (268.576.155) | (231.659.809) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 782.558.576 | 3.456.017.746 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 1.025.690.216 | 6.372.055.840 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 15.026.169.077 | 18.854.908.008 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (35.336.792) | (224.717.523) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 58.061.992 | (6.673.994.929) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 62.136.385 | (274.504.163) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (1.016.615.669) | (3.670.108.072) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 15.120.105.209 | 14.383.639.161 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (748.256.436) | (10.318.768.779) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (16.402.000.000) | (199.080.000.000) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 186.720.500.000 | 6.840.000.000 |
| 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (184.805.500.000) | - |
| 5. Tiền thu lãi cho vay và lợi nhuận được chia | 27 | 557.141 | 4.794.713 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (15.234.699.295) | (202.553.974.066) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | 200.000.000.000 |
| 2. Tiền thu từ đi vay | 33 | - | 4.675.000.000 |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (1.050.000.000) | (16.475.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (1.050.000.000) | 188.200.000.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (1.164.594.086) | 29.665.095 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 1.374.153.273 | 1.344.488.178 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 209.559.187 | 1.374.153.273 |

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2022

Người lập



Nguyễn Lê Nam Hải

Kế toán trưởng



Lê Thị Trang

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đạt

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu**

Công ty Cổ phần Heaven Power là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Alpha Solar 1. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020. Ngày 20/10/2021, Chủ sở hữu của Công ty là Công ty Cổ phần Helio Power (trước là Công ty Cổ phần Đầu tư Helios) đã quyết định chuyển đổi Công ty từ công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần theo Quyết định số 01/2021/QĐ-CSH. Công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 2 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/10/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 21/10/2021 là 210.000.000.000 đồng tương ứng với 21.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 9B, tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Số lượng lao động của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021 là 09 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện từ năng lượng mặt trời.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31/12/2021, Công ty sở hữu trực tiếp 26 công ty con với thông tin chi tiết như sau:

| STT | Công ty | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ biểu quyết | Địa chỉ | Hoạt động chính |
|-----|--------------------------------------|--------------|------------------|------------|-----------------|
| 1 | Công ty TNHH Apollo Power 2 | 100% | 100% | Hà Nội | Sản xuất điện |
| 2 | Công ty TNHH Apollo Power 4 | 100% | 100% | Hà Nội | Sản xuất điện |
| 3 | Công ty TNHH Ampire Power 4 | 100% | 100% | Hà Nội | Sản xuất điện |
| 4 | Công ty TNHH Omega Power 3 | 100% | 100% | Hà Nội | Sản xuất điện |
| 5 | Công ty TNHH Helio Bình Thuận | 100% | 100% | Bình Thuận | Sản xuất điện |
| 6 | Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt | 100% | 100% | Đắk Lắk | Sản xuất điện |
| 7 | Công ty TNHH Dahlia Việt Nam | 100% | 100% | Đắk Lắk | Sản xuất điện |
| 8 | Công ty TNHH Zon Power Việt Nam | 100% | 100% | Đắk Lắk | Sản xuất điện |
| 9 | Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh | 100% | 100% | Đắk Lắk | Sản xuất điện |
| 10 | Công ty TNHH KCP Energy | 100% | 100% | Đắk Lắk | Sản xuất điện |
| 11 | Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới | 100% | 100% | Đắk Lắk | Sản xuất điện |
| 12 | Công ty TNHH New Power Việt Nam | 100% | 100% | Đắk Lắk | Sản xuất điện |
| 13 | Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ | 100% | 100% | Đắk Lắk | Sản xuất điện |
| 14 | Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh | 100% | 100% | Đắk Lắk | Sản xuất điện |
| 15 | Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú | 100% | 100% | Đắk Lắk | Sản xuất điện |

CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

| | | | | | |
|----|-------------------------------------------|------|------|----------|---------------|
| 16 | Công ty TNHH Two Brothers Energy | 100% | 100% | Đắc Lắc | Sản xuất điện |
| 17 | Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt | 100% | 100% | Đắc Lắc | Sản xuất điện |
| 18 | Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh | 100% | 100% | Đắc Lắc | Sản xuất điện |
| 19 | Công ty TNHH Orchid Việt Nam | 100% | 100% | Đắc Lắc | Sản xuất điện |
| 20 | Công ty TNHH Solar Việt | 100% | 100% | Đắc Lắc | Sản xuất điện |
| 21 | Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới | 100% | 100% | Đắc Lắc | Sản xuất điện |
| 22 | Công ty TNHH Sol Power Việt Nam | 100% | 100% | Đắc Lắc | Sản xuất điện |
| 23 | Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú | 100% | 100% | Đắc Nông | Sản xuất điện |
| 24 | Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy | 100% | 100% | Đắc Nông | Sản xuất điện |
| 25 | Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam | 100% | 100% | Đắc Nông | Sản xuất điện |
| 26 | Công ty TNHH Carnation Việt Nam | 100% | 100% | Đắc Nông | Sản xuất điện |

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021 là báo cáo tài chính được lập cho kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư tài chính được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: Việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty: Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

| | Năm |
|--------------------------|------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 10 - 15 |
| Máy móc và thiết bị | 10 - 15 |
| Thiết bị truyền dẫn | 10 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, trong đó chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng được Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 01 năm (ngắn hạn); đối với chi phí thuê mái, thuê đất sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên biên bản xác nhận lượng điện giao nhận giữa Công ty và khách hàng là các công ty điện lực hoặc xác định dựa trên sản lượng điện được công bố trên website của Tổng công ty Điện lực Miền Nam và Tổng công ty Điện lực Miền Trung. Đơn giá bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Thuế

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản

chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết tại Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần lớn quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các mối quan hệ đó.

5. TIỀN

| | <u>31/12/2021</u> | <u>21/10/2021</u> |
|--------------------|---------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 21.006.000 | 5.810.000 |
| Tiền gửi ngân hàng | 188.553.187 | 1.368.343.273 |
| Cộng | <u>209.559.187</u> | <u>1.374.153.273</u> |

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| | <u>31/12/2021</u> | <u>21/10/2021</u> |
|---------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu | 678.187.596 | 302.123.072 |
| Công ty Điện lực Bình Dương | 538.543.068 | 111.672.561 |
| Công ty Điện lực Bình Thuận | 562.624.656 | 120.734.899 |
| Điện lực Trảng Bom - Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai | 583.667.460 | 255.151.454 |
| Cộng | <u>2.363.022.780</u> | <u>789.681.986</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

| | <u>31/12/2021</u> | <u>21/10/2021</u> |
|------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Ông Đào Quang Tùng (*) | 7.429.500.000 | 193.050.000.000 |
| Các cá nhân khác | 90.000.000 | 1.190.000.000 |
| Cộng | <u>7.519.500.000</u> | <u>194.240.000.000</u> |

(*) Khoản cho ông Đào Quang Tùng vay theo hợp đồng cho vay phát sinh trong kỳ với lãi suất là 12%/năm, thời hạn vay vốn không quá 09 tháng. Tài sản đảm bảo của các khoản vay này là cổ phần tại bên thứ ba thuộc sở hữu của các cá nhân này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu hồi được 7,302 tỷ đồng.

8. PHẢI THU KHÁC

| | <u>31/12/2021</u> | | <u>21/10/2021</u> | |
|--------------------------|---------------------------|----------|---------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Ngắn hạn | 563.302.029 | - | 426.865.096 | - |
| Lãi cho vay | 494.884.110 | - | 226.865.096 | - |
| Đặt cọc, ký cược, ký quỹ | 68.417.919 | - | 200.000.000 | - |
| Dài hạn | 400.000.000 | - | 400.000.000 | - |
| Đặt cọc, ký cược, ký quỹ | 400.000.000 | - | 400.000.000 | - |
| Cộng | <u>963.302.029</u> | - | <u>826.865.096</u> | - |

9. HÀNG TỒN KHO

| | <u>31/12/2021</u> | | <u>21/10/2021</u> | |
|-------------------------------------|---------------------------|----------|---------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 260.054.315 | - | 224.717.523 | - |
| Cộng | <u>260.054.315</u> | - | <u>224.717.523</u> | - |

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | <u>31/12/2021</u> | <u>21/10/2021</u> |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 78.177.823 | 76.278.262 |
| Chi phí công cụ dụng cụ | 75.000.000 | - |
| Chi phí thuê đất | - | 30.303.034 |
| Các khoản chi phí khác | 3.177.823 | 45.975.228 |
| Dài hạn | 652.903.536 | 716.939.482 |
| Chi phí thuê đất, thuê mái | 610.150.942 | 666.072.043 |
| Chi phí công cụ dụng cụ | 35.216.594 | 40.957.761 |
| Các khoản chi phí khác | 7.536.000 | 9.909.678 |
| Cộng | <u>731.081.359</u> | <u>793.217.744</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Trong kỳ, Công ty nhận chuyển nhượng 100% vốn góp tại 26 công ty con từ ông Phan Thành Đạt và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli (trước là Công ty Cổ phần Helio Power). Chi tiết như sau:

| | 31/12/2021 | | 21/10/2021 | |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Các công ty con nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli | 50.305.500.000 | (291.587.119) | - | - |
| Công ty TNHH Apollo Power 2 | 10.037.500.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Apollo Power 4 | 10.095.000.000 | (274.219.405) | - | - |
| Công ty TNHH Ampire Power 4 | 10.050.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Omega Power 3 | 10.100.000.000 | (17.367.714) | - | - |
| Công ty TNHH Helio Bình Thuận | 10.023.000.000 | - | - | - |
| Các công ty con nhận chuyển nhượng từ ông Phan Thành Đạt | 134.500.000.000 | (295.351.661) | - | - |
| Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Dahlia Việt Nam | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Zon Power Việt Nam | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH KCP Energy | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH New Power Việt Nam | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Two Brothers Energy | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Orchid Việt Nam | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Solar Việt | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Sol Power Việt Nam | 6.500.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú | 6.000.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy | 6.000.000.000 | (61.713.455) | - | - |
| Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam | 6.000.000.000 | (145.015.114) | - | - |
| Công ty TNHH Carnation Việt Nam | 6.000.000.000 | (88.623.092) | - | - |
| Cộng | 184.805.500.000 | (586.938.780) | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng và vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Thiết bị truyền dẫn | Tổng |
|-------------------------------|-------------------------------|---------------------|------------------------|----------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Tại ngày 21/10/2021 | 2.611.910.201 | 47.038.441.509 | 5.212.277.127 | 54.862.628.837 |
| Tại ngày 31/12/2021 | 2.611.910.201 | 47.038.441.509 | 5.212.277.127 | 54.862.628.837 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | |
| Tại ngày 21/10/2021 | 140.139.797 | 2.867.566.060 | 424.632.010 | 3.432.337.867 |
| Khấu hao trong kỳ | 34.170.151 | 694.746.427 | 102.283.934 | 831.200.512 |
| Tại ngày 31/12/2021 | 174.309.948 | 3.562.312.487 | 526.915.944 | 4.263.538.379 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại ngày 21/10/2021 | 2.471.770.404 | 44.170.875.449 | 4.787.645.117 | 51.430.290.970 |
| Tại ngày 31/12/2021 | 2.437.600.253 | 43.476.129.022 | 4.685.361.183 | 50.599.090.458 |

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

| | 31/12/2021 | | 21/10/2021 | |
|------------------------------------------------|----------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng | 1.500.721.115 | 1.500.721.115 | 1.465.721.115 | 1.465.721.115 |
| Công ty TNHH Công nghệ Thiên Phú Bình Thuận | - | - | 775.006.436 | 775.006.436 |
| Các nhà cung cấp khác | 175.325.400 | 175.325.400 | 251.520.130 | 251.520.130 |
| Cộng | 1.676.046.515 | 1.676.046.515 | 2.492.247.681 | 2.492.247.681 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

| | 21/10/2021 | | Trong kỳ | | 31/12/2021 | |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | 5.050.000.000 | 5.050.000.000 | 1.470.000.000 | 1.050.000.000 | 5.470.000.000 | 5.470.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 5.050.000.000 | 5.050.000.000 | 1.470.000.000 | 1.050.000.000 | 5.470.000.000 | 5.470.000.000 |
| Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực | 5.050.000.000 | 5.050.000.000 | 1.470.000.000 | 1.050.000.000 | 5.470.000.000 | 5.470.000.000 |
| Vay dài hạn | 36.750.000.000 | 36.750.000.000 | - | 1.470.000.000 | 35.280.000.000 | 35.280.000.000 |
| Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực | 36.750.000.000 | 36.750.000.000 | - | 1.470.000.000 | 35.280.000.000 | 35.280.000.000 |
| Cộng | 41.800.000.000 | 41.800.000.000 | 1.470.000.000 | 2.520.000.000 | 40.750.000.000 | 40.750.000.000 |

Khoản vay dài hạn với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 44/2020/HDTD-DH-DN/TCĐL ngày 30/09/2020 với số tiền vay là 11 tỷ đồng, thời hạn vay 84 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: thực hiện dự án Lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên mái nhà xưởng Công ty TNHH Vĩnh Quang tại phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tài sản đảm bảo là tài sản của dự án hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 40/2020/HDTD-DH-DN/TCĐL ngày 22/9/2020 với số tiền vay là 11 tỷ đồng, thời hạn vay 84 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: thực hiện dự án Lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên mái nhà xưởng Công ty TNHH Nam Thành Lợi tại cụm Công nghiệp Hồ Nai 3, xã Hồ Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Tài sản đảm bảo là tài sản của dự án hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 56/2020/HDTD-DH-DN/TCĐL ngày 31/10/2020 với số tiền vay là 11 tỷ đồng, thời hạn vay 84 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: thực hiện dự án Lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên mái nhà xưởng Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất tôn Tân Phước Khanh tại KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tài sản đảm bảo là tài sản của dự án hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 82/2020/HDTD-DH-DN/TCĐL ngày 24/11/2020 với số tiền vay là 11 tỷ đồng, thời hạn vay 84 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Nhà kho chứa nông sản kết hợp hệ thống điện mặt trời mái tại xã Hàm Thạnh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Tài sản đảm bảo là tài sản của dự án hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Lịch trả nợ vay dài hạn

| | <u>31/12/2021</u> | <u>21/10/2021</u> |
|---------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Trong năm tiếp theo | 5.470.000.000 | 5.050.000.000 |
| Từ 02 - 05 năm | 26.840.000.000 | 26.510.000.000 |
| Trên 5 năm | 8.440.000.000 | 10.240.000.000 |
| Cộng | <u>40.750.000.000</u> | <u>41.800.000.000</u> |

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | <u>21/10/2021</u> | <u>Số phải nộp trong kỳ</u> | <u>Số đã nộp trong kỳ</u> | <u>31/12/2021</u> |
|----------------------------|---------------------------|-----------------------------|---------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 138.341.638 | (73.370.293) | - | 64.971.345 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 690.364 | - | 690.364 | - |
| Cộng | <u>139.032.002</u> | <u>(73.370.293)</u> | <u>690.364</u> | <u>64.971.345</u> |

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | <u>31/12/2021</u> | <u>21/10/2021</u> |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | - | 234.057.093 |
| Chi phí thuê mái, thuê đất | 40.303.030 | 19.514.823 |
| Chi phí rửa pin | 163.636.360 | 204.301.073 |
| Chi phí quản lý vận hành | 200.000.000 | - |
| Chi phí khác | - | 53.426.408 |
| Cộng | <u>403.939.390</u> | <u>511.299.397</u> |

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động tình hình vốn chủ sở hữu

| | <u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------|-------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Tại ngày 21/10/2021 | 210.000.000.000 | (506.356.465) | 209.493.643.535 |
| Lỗi trong kỳ | - | (833.061.204) | (833.061.204) |
| Tại ngày 31/12/2021 | <u>210.000.000.000</u> | <u>(1.339.417.669)</u> | <u>208.660.582.331</u> |

Ngày 20/10/2021, Chủ sở hữu của Công ty là Công ty Cổ phần Helio Power (trước là Công ty Cổ phần Đầu tư Helios) đã quyết định chuyển đổi từ công ty TNHH sang công ty cổ phần theo Quyết định số 01/2021/QĐ-CSH. Ngày 21/10/2021, Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 2 sau khi đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 31/12/2021 | | 21/10/2021 | |
|----------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|------------------------|
| | Tỷ lệ sở hữu | Vốn góp | Tỷ lệ sở hữu | Vốn góp |
| | % | VND | % | VND |
| Công ty Cổ phần Helio Power (trước là Công ty Cổ phần Đầu tư Helios) | 95,00% | 199.500.000.000 | 95,00% | 199.500.000.000 |
| Ông Hoàng Thế Anh | 2,50% | 5.250.000.000 | 2,50% | 5.250.000.000 |
| Ông Phan Thành Đạt | 2,50% | 5.250.000.000 | 2,50% | 5.250.000.000 |
| Cộng | 100% | 210.000.000.000 | 100% | 210.000.000.000 |

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021 | Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021 |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| - Vốn góp đầu kỳ | 210.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| - Vốn góp tăng trong kỳ | - | 200.000.000.000 |
| - Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| - Vốn góp cuối kỳ | 210.000.000.000 | 210.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

Cổ phiếu

| | 31/12/2021 |
|-------------------------------------------------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 21.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 21.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 21.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 21.000.000 |
| <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng/cổ phiếu</i> | 10.000 |

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021 | Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021 |
|--------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán điện | 1.573.340.794 | 7.901.688.494 |
| Cộng | 1.573.340.794 | 7.901.688.494 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. GIÁ VỐN

| | <u>Từ 21/10/2021</u> <u>đến 31/12/2021</u> | <u>Từ 01/01/2021</u> <u>đến 20/10/2021</u> |
|------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí khấu hao | 800.027.247 | 3.260.085.397 |
| Chi phí thuê mái | 134.946.864 | 658.855.018 |
| Chi phí rửa pin | 82.062.559 | 204.301.073 |
| Các khoản chi phí khác | 94.995.828 | 320.926.323 |
| Cộng | 1.112.032.498 | 4.444.167.811 |

20. DOANH THU TÀI CHÍNH

| | <u>Từ 21/10/2021</u> <u>đến 31/12/2021</u> | <u>Từ 01/01/2021</u> <u>đến 20/10/2021</u> |
|------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi | 557.141 | 4.794.713 |
| Lãi tiền cho vay | 268.019.014 | 226.865.096 |
| Cộng | 268.576.155 | 231.659.809 |

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | <u>Từ 21/10/2021</u> <u>đến 31/12/2021</u> | <u>Từ 01/01/2021</u> <u>đến 20/10/2021</u> |
|----------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 782.558.576 | 3.456.017.746 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 586.938.780 | - |
| Cộng | 1.369.497.356 | 3.456.017.746 |

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | <u>Từ 21/10/2021</u> <u>đến 31/12/2021</u> | <u>Từ 01/01/2021</u> <u>đến 20/10/2021</u> |
|------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân công | 37.592.516 | 290.352.250 |
| Thuế, phí và lệ phí | - | 4.000.000 |
| Chi phí thuê văn phòng | 25.903.226 | 106.096.774 |
| Các khoản chi phí khác | 203.321.443 | 27.763.443 |
| Cộng | 266.817.185 | 428.212.467 |

Trong đó: Thù lao của Ban kiểm soát

-

-

920
ĐNC
ĐP
CAY
DW
PHC

CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021 | Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021 |
|---------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | (906.431.497) | (240.069.773) |
| Điều chỉnh cho các khoản | 382.357.975 | 1.228.224.333 |
| - Cộng: Chi phí không được trừ | 382.357.975 | 1.356.169.387 |
| - Trừ: Chuyển lỗ | - | (127.945.054) |
| Thu nhập tính thuế kỳ này | (524.073.522) | 988.154.560 |
| Thu nhập tính thuế cả năm 2021 (*) | 464.081.038 | - |
| Thuế suất | 20% | 20% |
| Thuế TNDN phải nộp cả năm 2021/kỳ này (1) | 92.816.207 | 197.630.912 |
| Thuế TNDN được giảm cả năm 2021/kỳ này (2) | 27.844.862 | 59.289.274 |
| Thuế TNDN đã tính kỳ trước (3) | 138.341.638 | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ (4 = 1-2-3) | (73.370.293) | 138.341.638 |

(*): Do Công ty chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang công ty cổ phần kể từ ngày 21/10/2021 và công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp trước chuyển đổi, theo đó Công ty chỉ thực hiện quyết toán thuế cả năm 2021 theo quy định về quản lý thuế hiện hành.

24. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các bên liên quan là các công ty con như đã trình bày tại thuyết minh số 1.4 - Cấu trúc của Công ty, Công ty có các bên liên quan như sau:

| Bên liên quan | Mối liên hệ |
|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Helio Power (trước là Công ty Cổ phần Đầu tư Helios) | Công ty mẹ sở hữu 95% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH Apollo Power 1 | Đơn vị có cùng công ty mẹ |
| Công ty TNHH Alpha Solar 2 | Đơn vị có cùng công ty mẹ |
| Công ty TNHH Alpha Solar 3 | Đơn vị có cùng công ty mẹ |
| Công ty TNHH Alpha Solar 4 | Đơn vị có cùng công ty mẹ |
| Công ty TNHH Omega Power 4 | Đơn vị có cùng công ty mẹ |
| Công ty TNHH Atlas Power 1 | Đơn vị có cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli (trước là Công ty Cổ phần Helio Power) | Chung thành viên quản lý cấp cao (ông Hoàng Thế Anh) |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh | Chung thành viên quản lý cấp cao (ông Hoàng Thế Anh) |
| Ông Hoàng Thế Anh | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Phan Thành Đạt | Tổng Giám đốc |

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

| Họ tên | Chức vụ | Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021 | Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021 |
|--------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | | VND | VND |
| Ông Hoàng Thế Anh | Chủ tịch hội đồng quản trị | - | - |
| Ông Phan Thành Đạt | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | - | - |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh | Thành viên HĐQT | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Giao dịch với bên liên quan

| | Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021 | Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021 |
|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Nhận chuyển nhượng công ty con (chi tiết tại thuyết minh số 11) | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli (trước là Công ty Cổ phần Helio Power) | 50.305.500.000 | - |
| Ông Phan Thành Đạt | 134.500.000.000 | - |
| Nhận góp vốn trong kỳ | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli (trước là Công ty Cổ phần Helio Power) | - | - |
| Công ty Cổ phần Helio Power (trước là Công ty Cổ phần Đầu tư Helios) | - | 189.500.000.000 |
| Ông Hoàng Thế Anh | - | 5.250.000.000 |
| Ông Phan Thành Đạt | - | 5.250.000.000 |
| Mua hàng | | |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh | 25.903.226 | 106.096.774 |
| Công ty TNHH Alpha Solar 4 | 1.937.727 | 7.885.473 |
| Công ty TNHH Apollo Power 1 | 2.541.403 | 10.342.097 |
| Công ty Cổ phần Helio Power | 200.000.000 | - |

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Công ty được tổ chức theo từng các lĩnh vực hoạt động của đơn vị. Theo đó, Công ty thực hiện báo cáo bộ phận theo lĩnh vực hoạt động bao gồm: bán điện; hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác cụ thể như sau:

| | Bán điện | Hoạt động nông nghiệp | Hoạt động khác | Tổng |
|-----------------------------|------------------------|--------------------------|-------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Bảng cân đối kế toán | | | | |
| Tài sản | | | | |
| Tài sản bộ phận | 248.861.948.462 | 2.484.031.932 | - | 251.345.980.394 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | 209.559.187 |
| Tổng tài sản | 248.861.948.462 | 2.484.031.932 | - | 251.555.539.581 |
| Nợ phải trả | | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 42.829.985.905 | - | - | 42.829.985.905 |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | 64.971.345 |
| Tổng nợ phải trả | 42.829.985.905 | - | - | 42.894.957.250 |

| | Bán điện | Hoạt động nông nghiệp | Hoạt động khác | Tổng |
|-----------------------------------------------|----------------------|--------------------------|-------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Báo cáo kết quả kinh doanh | | | | |
| Doanh thu thuần | 1.573.340.794 | - | - | 1.573.340.794 |
| Giá vốn trực tiếp của bộ phận | 1.112.032.498 | - | - | 1.112.032.498 |
| Chi phí khác trực tiếp của bộ phận | 782.558.576 | - | - | 782.558.576 |
| Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh theo bộ phận | (321.250.280) | - | - | (321.250.280) |
| Thu nhập không phân bổ | | | | 268.576.155 |
| Chi phí không phân bổ | | | | 853.757.372 |
| Lợi nhuận trước thuế | | | | (906.431.497) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | (73.370.293) |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | | | | (833.061.204) |

26. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 25/03/2022, Công ty Cổ phần Helio Power - Công ty mẹ của Công ty đã ban hành nghị quyết phê duyệt việc đầu tư vào các dự án năng lượng mặt trời áp mái kết hợp mô hình nông nghiệp công nghệ cao tại tỉnh Đắk Nông có tổng công suất là 11 MWp dưới hình thức chỉ định các công ty con của Công ty sẽ nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại các doanh nghiệp dự án với tổng giá trị vốn đầu tư tối đa là 79,06 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty và các công ty con đang trong quá trình triển khai thực hiện.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2021.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 20/10/2021 đã được kiểm toán. Số dư tại ngày 21/10/2021 trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 20/10/2021 của Công ty TNHH Alpha Solar 1 chuyển sang (số liệu bàn giao), số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến 20/10/2021 (kỳ hoạt động cuối cùng) của Công ty TNHH Alpha Solar 1. Do đó, dữ liệu có thể không so sánh được tương ứng.

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2022

Người lập



Nguyễn Lê Nam Hải

Kế toán trưởng



Lê Thị Trang

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đạt



Partnering for **Success**

ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH:

**Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**

E anviet@anvietcpa.com
T (84-24) 6278 2904
F (84-24) 6278 2905

**Tầng 9, tòa nhà AC ngõ 78 Duy Tân
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**

E anviet.hn@anvietcpa.com
T (84-24) 3795 8705
F (84-24) 3795 8677

**Tầng 7, tòa nhà Hải Quân số 5 Lý Tự Trọng
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**

E anviet.hp@anvietcpa.com
T (84-225) 3842 430
F (84-225) 3842 433

